

Số: 42/2024/QĐST-HNGĐ

Tuần Giáo, ngày 16 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 12 và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 44/2024/TLST-HN&GD ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị **Vừ Thị C**; sinh năm 2000; Địa chỉ: **Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên**.

Anh **Lầu A T**; sinh năm 1997; Địa chỉ: Bản Hua T, xã Tòa T, huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 8 năm 2024 người yêu cầu gồm chị **Vừ Thị C** và anh **Lầu A T** đã thỏa thuận được như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vừ Thị C** và anh **Lầu A T** chung sống như vợ chồng từ năm 2017 nhưng đến ngày 18 tháng 9 năm 2018 mới đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên**. Việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị **C**, anh **T** đã sống ly thân từ năm 2018. Anh **T** đã về nhà bố mẹ đẻ tại **bản H, xã T, huyện T** để sinh sống. Từ khi sống ly thân chị **C**, anh **T** không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh chị đã thỏa thuận thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị.

[2]. Về con chung: Chị **Vừ Thị C** và anh **L A T** có 01 con chung là **Lầu A V**, sinh ngày 04/6/2018, hiện cháu **V** đang sống cùng chị **Vừ Thị C** tại **Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên**. Khi ly hôn, chị **C**, anh **T** thỏa thuận thống nhất giao cháu **Lầu A V** cho chị **Vừ Thị C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu **V** đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị **Vừ Thị C** và anh **Lầu A T** không yêu cầu Tòa án công nhận giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về quan hệ tài sản:

Tài sản chung, tài sản riêng: Chị **C**, anh **T** không có.

Nợ chung: Nợ phải trả, nợ lấy về: Chị **C**, anh **T** không có.

[4]. Về lệ phí: Chị **Vừ Thị C** và anh **L A T** là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí, chị **C**, anh **T** đều có đơn xin miễn toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của chị **Vừ Thị C** và anh **L A T** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vừ Thị C** và anh **L A T** thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu **L A V**, sinh ngày 04/6/2018 cho chị **Vừ Thị C** trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị **Vừ Thị C** và anh **L A T** không yêu cầu Tòa án công nhận giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng: Không có.

Nợ chung (*Nợ phải trả, nợ lấy về*): Chị **C**, anh **T** không có.

1.4. Về lệ phí: Chị **Vừ Thị C** và anh **L A T** được miễn lệ phí dân sự sơ thẩm

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã Pú N;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Đình Hà